

(Đính kèm Kế hoạch số 2921 /KH-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận 10)

(Đính kèm Kế hoạch số 2921 /KH-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận 10)

| Tên trường    | Tên Phường (khu phố) | Tổng số trẻ 6 tuổi tại địa phương |     |         | Phân theo Quy định |                     | Số lượng học sinh Lớp 1 dự kiến | Chỉ tiêu Lớp 1 giao các trường | Tiếng Anh tăng cường | Tiếng Anh tích hợp | Bán trú | Ghi chú |
|---------------|----------------------|-----------------------------------|-----|---------|--------------------|---------------------|---------------------------------|--------------------------------|----------------------|--------------------|---------|---------|
|               |                      | Thường trú                        | KT3 | Tạm trú | Tổng số lớp 1      | Sĩ số học sinh/ lớp |                                 |                                |                      |                    |         |         |
| TỔNG CỘNG     |                      | 2,130                             |     |         | 61                 | 35                  | 2,230                           | 63                             | 56                   | 7                  | 62      |         |
| Hồ Thị Kỳ     | 160                  |                                   |     |         | 4.57               | 35                  | 175                             | 5                              | 5                    | 0                  | 5       |         |
|               | Phường 1             | 126                               |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |         |
|               | Phường 10            | 34                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |         |
|               | khu phố 1            | 20                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |         |
|               | khu phố 2            | 14                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |         |
| Trương Định   | 148                  |                                   |     |         | 4.23               | 35                  | 140                             | 4                              | 4                    | 0                  | 4       |         |
|               | Phường 2:            | 88                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |         |
|               | khu phố 2,           | 26                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |         |
|               | khu phố 3.           | 23                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |         |
|               | khu phố 6            | 21                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |         |
|               | Khu phố 7            | 18                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |         |
|               | Phường 9             | 60                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |         |
|               | Khu phố 3            | 60                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |         |
| Trần Nhân Tôn | 156                  |                                   |     |         | 4.46               | 40                  | 160                             | 4                              | 4                    | 0                  | 4       |         |
|               | Phường 2:            | 99                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |         |
|               | khu phố 1            | 28                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |         |
|               | khu phố 4,           | 22                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |         |
|               | khu phố 5            | 30                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |         |
|               | khu phố 8            | 19                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |         |
|               | Phường 9             | 57                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |         |
|               | khu phố 2            | 57                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |         |

| Tên trường       | Tên Phường (khu phố) | Tổng số trẻ 6 tuổi tại địa phương |     |         | Phân theo Qui định |                     | Số lượng học sinh Lớp 1 dự kiến | Chỉ tiêu Lớp 1 giao các trường | Tiếng Anh tăng cường | Tiếng Anh tích hợp | Bán trú | Ghi chú |
|------------------|----------------------|-----------------------------------|-----|---------|--------------------|---------------------|---------------------------------|--------------------------------|----------------------|--------------------|---------|---------|
|                  |                      | Thường trú                        | KT3 | Tạm trú | Tổng số lớp 1      | Sĩ số học sinh/ lớp |                                 |                                |                      |                    |         |         |
| Trần Quang Cơ    | 182                  |                                   |     | 5.2     | 40                 | 200                 | 5                               | 5                              | 0                    | 5                  |         |         |
|                  | Phường 4             | 91                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |         |
|                  | Phường 9             | 91                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |         |
|                  | khu phố 4            | 91                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |         |
| Nguyễn Chí Thanh | 106                  |                                   |     | 3.03    | 35                 | 105                 | 3                               | 3                              | 0                    | 3                  |         |         |
|                  | Phường 5             | 86                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |         |
|                  | Phường 8             | 20                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |         |
|                  | Khu phố 2            | 20                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |         |
| Dương Minh Châu  | 167                  |                                   |     | 4.77    | 35                 | 175                 | 5                               | 4                              | 1                    | 5                  |         |         |
|                  | Phường 6             | 109                               |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |         |
|                  | Phường 14            | 58                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |         |
|                  | khu phố 6,           | 19                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |         |
|                  | khu phố 7,           | 21                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |         |
|                  | khu phố 8.           | 18                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |         |
| Trần Văn Kiêu    | 97                   |                                   |     | 2.77    | 35                 | 105                 | 3                               | 3                              | 0                    | 3                  |         |         |
|                  | Phường 7             | 60                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |         |
|                  | Phường 8             | 37                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |         |
|                  | Khu phố 1            | 25                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |         |
|                  | Khu phố 3            | 12                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |         |
| Nhật Tào         | 60                   |                                   |     | 1.71    | 35                 | 70                  | 2                               | 2                              | 0                    | 2                  |         |         |
|                  | Phường 9:            | 60                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |         |
|                  | Khu phố 1,           | 60                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |         |
| Điện Biên        | 93                   |                                   |     | 2.7     | 35                 | 105                 | 3                               | 3                              | 0                    | 3                  |         |         |
|                  | Phường 11            | 68                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |         |
|                  | Phường 10            | 25                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |         |
|                  | Khu phố 3            | 25                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |         |



| Tên trường      | Tên Phường (khu phố)                                                        | Tổng số trẻ 6 tuổi tại địa phương |     |         | Phân theo Quy định |                     | Số lượng học sinh Lớp 1 dự kiến | Chỉ tiêu Lớp 1 giao các trường | Tiếng Anh tăng cường | Tiếng Anh tích hợp | Bán trú | Ghi chú                                                   |
|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----|---------|--------------------|---------------------|---------------------------------|--------------------------------|----------------------|--------------------|---------|-----------------------------------------------------------|
|                 |                                                                             |                                   |     |         | Tổng số lớp 1      | Sĩ số học sinh/ lớp |                                 |                                |                      |                    |         |                                                           |
|                 |                                                                             | Thường trú                        | KT3 | Tạm trú |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |                                                           |
| Hoàng Diệu      | 73                                                                          |                                   |     |         | 2.086              | 35                  | 70                              | 2                              | 2                    | 0                  | 2       |                                                           |
|                 | Phường 12:                                                                  | 73                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |                                                           |
|                 | Khu phố 3,                                                                  | 44                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |                                                           |
|                 | khu phố 8                                                                   | 24                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |                                                           |
|                 | khu phố 4 (địa chỉ số chẵn đường Sư Vạn Hạnh trở về Cách Mạng Tháng Tám)    | 5                                 |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |                                                           |
| Triệu Thị Trinh | 105                                                                         |                                   |     |         | 3.00               | 35                  | 140                             | 4                              | 3                    | 1                  | 4       |                                                           |
|                 | Phường 12:                                                                  | 57                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |                                                           |
|                 | Khu phố 1,                                                                  | 14                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |                                                           |
|                 | khu phố 2                                                                   | 43                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |                                                           |
|                 | Phường 13: (có địa chỉ đường Hòa Hưng và khu nhà tập thể Trại giam Chí Hòa) | 48                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |                                                           |
| Thiên Hộ Dương  | 147                                                                         |                                   |     |         | 4.20               | 35                  | 140                             | 4                              | 3                    | 1                  | 4       | Giám số lớp để dồn lớp theo Kế hoạch xây dựng mới khu A-B |
|                 | Phường 12:                                                                  | 147                               |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |                                                           |
|                 | khu phố 5,                                                                  | 37                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |                                                           |
|                 | khu phố 6,                                                                  | 73                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |                                                           |
|                 | khu phố 7                                                                   | 26                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |                                                           |
|                 | khu phố 4 (có địa chỉ số lẻ đường Sư Vạn Hạnh trở lên đường Tô Hiến Thành)  | 11                                |     |         |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |         |                                                           |

| Tên trường     | Tên Phường (khu phố) | Tổng số trẻ 6 tuổi tại địa phương |  |      | Phân theo Quy định |                     | Số lượng học sinh Lớp 1 dự kiến | Chỉ tiêu Lớp 1 giao các trường | Tiếng Anh tăng cường | Tiếng Anh tích hợp | Bán trú                            | Ghi chú |
|----------------|----------------------|-----------------------------------|--|------|--------------------|---------------------|---------------------------------|--------------------------------|----------------------|--------------------|------------------------------------|---------|
|                |                      |                                   |  |      | Tổng số lớp 1      | Sĩ số học sinh/ lớp |                                 |                                |                      |                    |                                    |         |
| Lê Thị Riêng   | 130                  |                                   |  | 3.71 | 35                 | 140                 | 4                               | 3                              | 1                    | 4                  |                                    |         |
|                | Phường 13            | 130                               |  |      |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |                                    |         |
| Lê Đình Chinh  | 120                  |                                   |  | 3.43 | 35                 | 140                 | 4                               | 4                              | 0                    | 4                  |                                    |         |
|                | Phường 14:           | 120                               |  |      |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |                                    |         |
|                | Khu phố 3,           | 13                                |  |      |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |                                    |         |
|                | khu phố 4,           | 15                                |  |      |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |                                    |         |
|                | khu phố 5,           | 12                                |  |      |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |                                    |         |
|                | khu phố 9,           | 47                                |  |      |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |                                    |         |
|                | Khu phố 10           | 33                                |  |      |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |                                    |         |
| Võ Trường Toàn | 131                  |                                   |  | 4.37 | 30                 | 120                 | 4                               | 2                              | 2                    | 3                  | Trường thực hiện mô hình tiên tiến |         |
|                | Phường 14:           | 131                               |  |      |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |                                    |         |
|                | Khu phố 1,           | 20                                |  |      |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |                                    |         |
|                | khu phố 2,           | 22                                |  |      |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |                                    |         |
|                | khu phố 11,          | 37                                |  |      |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |                                    |         |
|                | khu phố 12.          | 52                                |  |      |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |                                    |         |
| Tô Hiến Thành  | 78                   |                                   |  | 2.23 | 35                 | 70                  | 2                               | 2                              | 0                    | 2                  |                                    |         |
|                | Phường 15:           | 78                                |  |      |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |                                    |         |
|                | Khu phố 1,           | 21                                |  |      |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |                                    |         |
|                | khu phố 3,           | 25                                |  |      |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |                                    |         |
|                | khu phố 4            | 32                                |  |      |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |                                    |         |
| Bắc Hải        | 177                  |                                   |  | 5.06 | 35                 | 175                 | 5                               | 4                              | 1                    | 5                  |                                    |         |
|                | Phường 15:           | 177                               |  |      |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |                                    |         |
|                | Khu phố 2,           | 40                                |  |      |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |                                    |         |
|                | khu phố 5,           | 23                                |  |      |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |                                    |         |
|                | khu phố 6,           | 40                                |  |      |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |                                    |         |
|                | khu phố 7,           | 40                                |  |      |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |                                    |         |
|                | khu phố 8.           | 34                                |  |      |                    |                     |                                 |                                |                      |                    |                                    |         |